

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1111/QĐ-UBND

*Tuy Hòa, ngày 17 tháng 7 năm 2008*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội**  
**huyện Sông Cầu đến năm 2010, định hướng đến năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07 tháng 02 năm 2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Chương trình hành động số 38 ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Tỉnh ủy Phú Yên và Chương trình hành động số 1542 ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2010;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên: số 976/UB-QH ngày 09 tháng 8 năm 1995 về việc duyệt đề cương và kinh phí thực hiện Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Sông Cầu; số 1755 ngày 20 tháng 02 năm 2001 về việc duyệt bổ sung nội dung nghiên cứu và kinh phí thực hiện đề tài Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội huyện Sông Cầu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Tờ trình số 26/TTr-KHĐT ngày 31 tháng 01 năm 2008),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, với các nội dung chính sau:

**1. Tên Quy hoạch**

Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Sông Cầu đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.

## **2. Quan điểm**

- Phát triển kinh tế xã hội huyện Sông Cầu, phải phù hợp: mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp tỉnh, huyện; chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020 của tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch ngành của Trung ương, vùng và tỉnh.

- Phát huy và sử dụng có hiệu quả các yếu tố nội lực bên trong, thu hút tối đa các nguồn lực từ bên ngoài; tập trung phát huy thế mạnh về kinh tế du lịch và kinh tế biển đồng thời phát triển mạnh các ngành kinh tế có ưu thế về vị trí địa lý của huyện, hình thành và xây dựng huyện Sông Cầu trở thành vùng kinh tế khu vực phía Bắc tỉnh Phú Yên.

- Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường; đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện, tỉnh và khu vực.

- Đầu tư xây dựng huyện Sông Cầu trở thành thị xã vào trước năm 2010 và đến năm 2020 đáp ứng được chức năng dịch vụ - du lịch và công nghiệp.

## **3. Mục tiêu phát triển và các chỉ tiêu**

### **a) Mục tiêu:**

- Có tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội nhanh hơn so với mức bình quân của tỉnh, sớm tiến kịp với các huyện, thành phố trong tỉnh đã có quy mô và tốc độ phát triển cao hơn;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với thế mạnh của huyện và phương hướng phát triển chung của tỉnh và vùng kinh tế phía Bắc tỉnh; đến năm 2010 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; đến năm 2020 chuyển dịch theo hướng cơ cấu dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp;

- Đầu tư xây dựng và phát triển Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu, các cụm điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của huyện gắn với xây dựng hệ thống đô thị du lịch - dịch vụ - nghỉ dưỡng tại khu vực với vai trò hạt nhân; xây dựng và phát triển kinh tế huyện Sông Cầu gắn kết với Khu kinh tế Nhơn Hội (tỉnh Bình Định) và Khu kinh tế Nam Phú Yên, hình thành vùng trọng điểm phát triển kinh tế phía Bắc tỉnh;

- Bảo đảm tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao đời sống nhân dân, giải quyết tốt các vấn đề xã hội bức xúc, bảo vệ môi trường sinh thái, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao mức sống và trình độ dân trí; tăng cường đầu tư công cộng cho vùng khó khăn, vùng dân cư ven biển và khu vực có nhiều đối tượng chính sách xã hội;

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội với củng cố quan hệ sản xuất, phát triển đa dạng hóa thành phần kinh tế và hình thức đầu tư;

b) Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Chỉ tiêu về kinh tế:

+ Nhịp độ tăng GDP bình quân hàng năm của huyện, giai đoạn 2006-2010 đạt 13-15%, giai đoạn 2011-2020 đạt 14-16%;

+ GDP bình quân đầu người đến 2010 đạt 730 USD/người, đến năm 2020 đạt khoảng 2.500 USD/người;

+ Cơ cấu kinh tế chuyển dịch như sau:

Ngành	Chỉ tiêu chuyển dịch (%)		
	Thực hiện 2005	Định hướng 2010	Định hướng 2020
Nông nghiệp	63	42	25
Công nghiệp - xây dựng	19	38	35
Dịch vụ	18	20	40

- Chỉ tiêu về xã hội - môi trường:

+ Phân đầu đạt tốc độ phát triển dân số giai đoạn 2006-2010: 1,20-1,25%; giai đoạn 2011-2020: 1,05-1,1%;

+ Tạo việc làm mới cho 25.000 lao động trong giai đoạn 2006-2010, đến năm 2010, giảm tỷ trọng lao động trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp xuống còn 42%; xóa xong nhà ở tạm bợ, dột nát của hộ nghèo; tỉ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm còn 7%; không có hộ đói; 98% số hộ được sử dụng điện; đạt 30 máy điện thoại/100 dân; 90% số hộ được xem truyền hình; hoàn thành và giữ vững phổ cập giáo dục trung học; giảm tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 20%; các khu vực dân cư được bố trí sắp xếp để đáp ứng chuyển huyện Sông Cầu thành thị xã;

+ Đến năm 2010, số hộ nông thôn dùng nước giếng đạt 98%, số hộ thành thị được cấp nước máy đạt 70%; nâng tỷ lệ độ che phủ rừng lên 40% vào năm 2010 và đạt 60% vào năm 2020.

#### **4. Các định hướng phát triển chủ yếu**

a) Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

- Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giai đoạn 2006-2010 đạt 20,5%; giai đoạn 2011-2015 đạt 22%; giai đoạn 2016-2020 đạt 24%;

- Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu với 3 giai đoạn phát triển (trên 300ha), dành quỹ đất dự trữ (khoảng 100ha) dọc tuyến đường Xuân Bình - Xuân Hải (giai đoạn 4) để mở rộng Khu công nghiệp cho giai đoạn sau năm 2010; đầu tư xây dựng các cụm điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Long Bình - thị trấn Sông Cầu (20ha), Diêm Trường - Xuân Lộc (8ha),...

- Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu:

+ Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản: phát triển tối đa công nghiệp chế biến dừa, hạt điều, muối, hải sản; đến năm 2010 chế biến hạt điều đạt 5.000 tấn, dừa quả đạt 10 triệu quả, muối hạt 50.000 tấn (muối iốt 5.000 tấn), nước mắm 7,5 triệu lít;

+ Công nghiệp chế biến và khai thác khoáng sản: đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng các sản phẩm chủ yếu (đá granit, các loại đá và cát xây dựng);

+ Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: đa dạng hóa các loại sản phẩm, phát triển các sản phẩm hiện có như: cửa sắt kéo, cửa sắt hoa, vôi bột,...; thu hút đầu tư và tăng trưởng các loại vật liệu xây dựng được sản xuất ở Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu;

- Các ngành công nghiệp khác:

+ Khuyến khích phát triển các làng nghề truyền thống và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như: sửa chữa và đóng mới tàu thuyền, sản xuất và chế biến các sản phẩm từ dừa, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ dừa và mây tre lá; hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và tạo điều kiện phát triển các làng nghề (chế biến nước mắm, chế biến muối, nuôi trồng thủy sản, đan bóng, sản xuất mây-tre-lá,...);

+ Về lâu dài, phát triển công nghiệp giày da, dệt may, thêu ren xuất khẩu, cơ khí nông nghiệp và tiến tới lắp ráp các sản phẩm điện tử;

b) Các ngành dịch vụ:

- Phân đầu tốc độ phát triển dịch vụ - thương mại - du lịch giai đoạn 2006-2010 đạt 12-15%/năm; giai đoạn 2011-2015 đạt 15-18% và giai đoạn 2016-2020 đạt 18-20%/năm; tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ đến năm 2010 đạt 670 tỷ đồng, năm 2015 đạt 2.000 tỷ đồng và năm 2020 đạt 4.000 tỷ đồng;

- Về thương mại: tập trung phát triển các dịch vụ vận tải, cung ứng vật tư - kỹ thuật và giống cây trồng - vật nuôi, thông tin - viễn thông, ngân hàng và các loại hình dịch vụ công cộng khác; phát triển các chợ thương mại - dịch vụ theo hướng cải tạo, nâng cấp các chợ hiện có, đầu tư xây mới các chợ theo cụm, vùng; hình thành một số

trung tâm thương mại (chợ trung tâm và siêu thị ở thị trấn Sông Cầu, các chợ Gò Dúi ở xã Xuân Lộc, Gành Đỏ ở xã Xuân Thọ 2);

- Về du lịch: phát huy tối đa thế mạnh tài nguyên du lịch, thu hút đầu tư và khai thác hợp lý các loại hình du lịch (tham quan viếng cảnh, sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa,...); gọi đầu tư và khai thác có hiệu quả các tuyến điểm du lịch (các thắng cảnh: đầm - đèo Cù Mông, vịnh Xuân Đài, Long Hải Bắc, Nhất Tự Sơn, Gành Đỏ, núi Hang Beo, hòn Nần, suối Mơ; các bãi: Rạng, Bàng, Bàu, Tràm, Ôm, Nôm, làng cổ Diêm Trường, đập Thạch Khê, các di chỉ: cồn Đình, gò Ốc); xây dựng, tổ chức các tuyến du lịch liên kết với các tuyến du lịch của tỉnh, vùng và quốc gia;

c) Nông - lâm nghiệp - ngư nghiệp:

- Nông nghiệp: chuyển mạnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp; chuyển một số diện tích đất lúa và màu sản xuất kém hiệu quả sang trồng các loại cây rau, đậu, bắp hoặc các loại rau, màu có giá trị kinh tế cao; chú trọng phát triển mạnh cây dứa và điều, heo và bò cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; năm 2010 phấn đấu đạt 1.500ha dứa, 2.600ha điều, đàn heo 28.500 con (tỉ lệ heo hướng nạc chiếm 30%), đàn bò 23.500 con (tỉ lệ bò lai sind chiếm 50%); hình thành dần vùng sản xuất rau sạch (ở các khu vực: thị trấn Sông Cầu, Xuân Lộc, Xuân Bình, Xuân Thọ 1 và Xuân Thọ 2);

- Lâm nghiệp: phát triển nông nghiệp kết hợp với phát triển lâm nghiệp vườn đồi, tạo cảnh quan cho môi trường du lịch; phấn đấu đạt mục tiêu nâng độ che phủ rừng lên 40% vào năm 2010 và 60% vào năm 2020; giai đoạn 2006-2010 trồng mới 5.000ha rừng, chú trọng phát triển các loại cây: dầu rái, dó bầu, xà cừ, keo,...; bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ và phát triển cây chai lá cong ở các xã Xuân Hòa, Xuân Hải; khai thác vùng đất Đá Giăng - Bình Tây kết hợp với phát triển và bảo vệ rừng;

- Ngư - diêm nghiệp: phát triển mạnh nghề khai thác hải sản, tăng đội tàu thuyền đánh bắt có công suất lớn hơn 90CV để đánh bắt xa bờ, đến năm 2010 đạt 100 chiếc, năm 2020 đạt 280 chiếc; sản lượng khai thác hải sản năm 2010: 25.000 tấn, năm 2020: 41.500 tấn; phát triển nuôi trồng thủy sản trên cơ sở chú trọng sử dụng và khai thác hợp lý mặt nước vịnh Xuân Đài và đầm Cù Mông để nuôi trồng các loại thủy hải sản như: cá mú, rong câu, tôm hùm,...; xây dựng làng nghề đóng mới, sửa chữa tàu thuyền và dịch vụ hậu cần nghề cá tại thôn Vạn Phước (thị trấn Sông Cầu); phát triển nghề làm muối, khai thác đưa vào chế biến các sản phẩm từ muối (muối

hạt, muối hầm, muối iốt, thạch cao, ma-giê,... phấn đấu đến năm 2010 đạt 50.000 tấn muối hạt, 5.000 tấn muối iốt; năm 2020: 80.000 tấn muối hạt và 20.000 tấn muối iốt);

d) Các vấn đề xã hội:

- Giáo dục - đào tạo: hoàn thành và giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở từ năm 2006; phát triển hệ thống mầm non và phổ thông đến những vùng khó khăn trên địa bàn; khai thác giáo dục - đào tạo bằng nhiều hình thức (quốc lập, bán công, dân lập, tư thục,...); nâng cao hiệu quả đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, chú trọng công tác đào tạo lại và bồi dưỡng để nâng cao trình độ cho đội ngũ lao động hiện có; phấn đấu đến 2010: trên 67% trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia và 50% số trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; huy động 90% trẻ từ 3-5 tuổi đi học mẫu giáo, 100% học sinh trong độ tuổi đi học tiểu học, 95% học sinh trong độ tuổi đi học trung học cơ sở; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các trường học, thực hiện tốt Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học ở các điểm trường trên địa bàn, đến năm 2010 cơ bản xóa hẳn các phòng học tạm bợ; thành lập trường dạy nghề, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực cho phát triển, đến năm 2010 có 18-20% số lao động trong độ tuổi được đào tạo;

- Y tế: tiếp tục thực hiện các Chương trình y tế quốc gia về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; thanh toán cơ bản các bệnh truyền nhiễm của người lớn và trẻ em; kiện toàn và tăng cường đội ngũ cán bộ y tế cơ sở, phấn đấu đến năm 2010: 100% số trạm xá xã có bác sĩ và nữ hộ sinh, 100% số thôn có nhân viên y tế từ sơ cấp trở lên; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho ngành y tế; giai đoạn 2006-2010 xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị cho trạm y tế các xã, thị trấn theo Chương trình hỗ trợ y tế quốc gia; xây dựng hoàn thành trạm y tế và phân trạm Bình Tây (xã Xuân Lâm);

- Văn hóa - thông tin - thể dục thể thao: kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa từ huyện đến xã; phấn đấu đến năm 2010 đạt 75-80% số thôn văn hóa, 75-80% số gia đình đạt gia đình văn hóa; đến 2010 bảo đảm mỗi xã, thị trấn có thư viện và nhà văn hóa - thông tin; tăng cường công tác bảo vệ và gìn giữ các di tích - di chỉ văn hóa và lịch sử trên địa bàn; đẩy mạnh công tác thể dục - thể thao, phấn đấu đến năm 2010 đạt 25.000 lượt người thường xuyên luyện tập thể dục - thể thao; xây dựng sân vận động trung tâm huyện và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phát triển thể dục thể thao ở các xã, thị trấn; bảo đảm đến năm 2010 mỗi xã, thị trấn có quỹ đất để luyện tập thể dục thể thao;

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, xã hội, từng bước tạo chuyển biến về văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế và các vấn đề xã hội nhằm cải thiện thêm một bước đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân;

e) Hệ thống kết cấu hạ tầng:

- Giao thông: xây dựng và phát triển hệ thống giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện; xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội thị (thị trấn Sông Cầu), tuyến Long Thạnh - Xuân Hải, tuyến giao thông ven biển (Bắc cầu Tam Giang - Nam cầu Thị Thạc; Bắc cầu Thị Thạc - Lê Uyên), các tuyến đường tỉnh (ĐT642, ĐT644), các tuyến đường huyện (Chánh Lộc - Diêm Trường, Trung Trinh - Vũng La, Vũng Chào - Từ Nham, Hòa Phú - Hòa An, Hảo Danh - Hảo Nghĩa - Mỹ Lương...), các tuyến đường xã; phát triển mạng cảng và khu dịch vụ hậu cần hàng hóa nghề cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão (ở đầm Cù Mông, vịnh Xuân Đài) đáp ứng nhu cầu dân sinh, giao lưu và trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài huyện;

- Thủy lợi: đầu tư tu bổ các công trình thủy lợi hiện có trên địa bàn huyện nhằm đảm bảo khai thác trên 75% công suất thiết kế, ưu tiên các công trình thủy lợi tưới cây lương thực; xây dựng công trình thoát lũ, công-đê ngăn mặn, ngăn lũ ở các sông;

- Hệ thống điện: giai đoạn 2006-2010 tập trung xây dựng trạm nâng thế 22/110kv và đường dây 110kv La Hiên - Sông Cầu; cải tạo lưới điện thị trấn Sông Cầu đáp ứng việc nâng thị trấn Sông Cầu thành đô thị loại IV; xây dựng lưới điện trung, hạ áp, các trạm biến áp ở các thôn chưa có điện, đảm bảo 100% số thôn trên địa bàn huyện có điện, 98% số hộ dân được sử dụng điện vào năm 2010; giai đoạn 2011-2020 tiếp tục nâng công suất trạm biến áp 110kv để phục vụ phụ tải cho Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu, đặc biệt là các dự án có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện và cả tỉnh,...

- Hệ thống cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: giai đoạn 2006-2010 nâng cấp nhà máy nước thị trấn Sông Cầu (từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày lên 5.000 m<sup>3</sup>/ngày); mở rộng mạng đường ống cấp nước cho khu vực thị trấn và vùng phụ cận (thuộc các xã: Xuân Phương, Xuân Thọ 1); xây dựng đường ống cấp nước (từ trạm cấp nước Xuân Bình) cho Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu và khu dân cư phụ cận (các xã: Xuân Hải, Xuân Bình, Xuân Lộc); xây dựng công trình cấp nước sản xuất, sinh hoạt khu dân cư (các xã: Xuân Phương,

Xuân Thịnh, Xuân Thọ 2); xây dựng hồ chứa nước Nhiêu Hậu (xã Xuân Thọ 1) cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho các hộ dân cư; ưu tiên đầu tư các công trình nước sạch tại các điểm dân cư vùng khó khăn, vùng xa; đảm bảo đến năm 2010 tỉ lệ hộ đô thị sử dụng nước máy đạt 70%; 100% các trường học và các trạm y tế xã được đầu tư các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường; giai đoạn 2011-2020 nâng cấp các trạm (các xã: Xuân Bình, Xuân Thịnh, Xuân Thọ 1, Xuân Thọ 2); mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước ở các khu dân cư của tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn; đến năm 2020 nâng tỷ lệ hộ đô thị sử dụng nước máy đạt 90%;

+ Thoát nước: giai đoạn 2006-2010 mở rộng hệ thống thoát nước cho khu vực đô thị thị trấn, nhất là dọc tuyến tránh quốc lộ 1A, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Long Bình - thị trấn Sông Cầu, xây dựng hệ thống thoát nước Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu; giai đoạn 2011-2020 xây dựng hệ thống thoát nước ở các khu trung tâm của khu vực phía Bắc và phía Nam huyện (các xã: Xuân Thọ 2, Xuân Lộc, Xuân Hải, Xuân Hòa);

- Bru chính viễn thông - phát thanh - truyền hình: đẩy mạnh việc hiện đại hóa ngành bu chính - viễn thông ở huyện; đến năm 2010: 100% số xã, thị trấn có mạng lưới điện thoại và điểm bu điện văn hóa xã; tăng cường đầu tư hệ thống phát thanh - truyền hình ở các cụm xã - thị trấn; đến năm 2010: 100% dân số được nghe sóng phát thanh và 95% dân số được xem truyền hình; đến năm 2020: 100% dân số được nghe sóng phát thanh và xem truyền hình với chất lượng cao.

## **5. Định hướng tổ chức không gian kinh tế - xã hội lãnh thổ**

### **a) Tổ chức đơn vị hành chính:**

Đến năm 2010 hình thành 03 phường của thị trấn Sông Cầu và phường Xuân Thọ 2 (xã Xuân Lộc và Xuân Thọ 2 sẽ chia thành các đơn vị hành chính cấp xã gồm 01 phường và 01 xã mới); giai đoạn 2010 đến 2020, xã Xuân Lộc chia thành 01 phường và 01 xã mới, khu vực 02 xã Xuân Hải, Xuân Hòa hình thành 03 xã (gồm: 01 phường và 02 xã, trong đó: từ thôn 2 đến thôn 5 - xã Xuân Hải là khu vực trung tâm); xã Xuân Thịnh thành lập 01 phường và 01 xã;

### **b) Phân vùng không gian kinh tế - xã hội:**

- Giai đoạn 2006-2010, hình thành hai tiểu vùng kinh tế - xã hội:

+ Tiểu vùng 1, trung tâm giao dịch chính của tiểu vùng là khu vực chợ Xuân Lộc, gồm: các xã thuộc cụm phía Bắc Sông Cầu, Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Diêm Trường, các làng nghề truyền

thống, các điểm du lịch ven biển; ưu tiên phát triển tiểu vùng theo hướng công nghiệp - du lịch - thương mại - ngư nghiệp, mở rộng khai thác diện tích đất sản xuất nông - lâm nghiệp ở vùng đất phía Tây; đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác thủy sản nhất là khai thác hải sản xa bờ, nuôi các loại thủy sản xuất khẩu;

+ Tiểu vùng 2 (tiểu vùng trung tâm), trung tâm giao dịch chính của tiểu vùng là thị trấn Sông Cầu, gồm: các xã cụm phía Nam huyện Sông Cầu, các điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở Long Bình và Triều Sơn, các điểm du lịch ven biển; để đảm bảo phát triển nghề cá trong tiểu vùng và toàn huyện; ưu tiên phát triển tiểu vùng theo hướng thương mại - du lịch - công nghiệp - ngư nghiệp, phát triển, mở rộng, nâng cấp các khu dân cư ven biển (thị trấn và các xã: Xuân Thọ 2, Xuân Thọ 1, Xuân Phương), phát triển thương mại - dịch vụ, mở rộng, nâng cấp cảng cá Dân Phước, xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ hậu cần nghề cá và chợ đầu mối thủy sản (ở cảng cá), mở rộng khai thác diện tích đất sản xuất nông - lâm nghiệp ở vùng đất phía Tây;

- Giai đoạn 2011-2020, hình thành bốn tiểu vùng kinh tế - xã hội, khi thành lập thị xã sẽ hình thành 08 phường và 09 xã ngoại thành:

+ Tiểu vùng 1: gồm các xã Xuân Hòa, Xuân Hải (giai đoạn này sẽ được tách thành 02 phường mới) và khu công nghiệp; hình thành 01 phường cạnh khu công nghiệp, là trung tâm giao dịch chính của tiểu vùng; phát triển mạnh công nghiệp, sản xuất giống thủy sản chất lượng cao; thu hút và phát triển mạnh du lịch tại các điểm du lịch ven biển; từng bước tạo thành trung tâm phát triển, động lực phát triển khu vực phía Bắc và toàn huyện;

+ Tiểu vùng 2: gồm Xuân Lộc (01 phường và 01 xã Xuân Bình), trung tâm giao dịch và thương mại chính tại khu vực chợ Xuân Lộc; phát triển theo hướng sản xuất lương thực, cây công nghiệp dài ngày, chăn nuôi bò, tạo sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao, mở rộng dịch vụ sản xuất nông nghiệp; phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, đa dạng hóa các sản phẩm bằng các nghề sản xuất truyền thống (muối và thủ công mỹ nghệ mây-tre-lá);

+ Tiểu vùng 3 (tiểu vùng trung tâm), gồm: đô thị trung tâm Sông Cầu (03 phường), các xã: Xuân Lâm, Xuân Phương, Xuân Cảnh, Xuân Thịnh (01 phường, 01 xã) là khu vực trung tâm về kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của huyện; phát triển công nghiệp cơ khí và chế biến, tăng cường dịch vụ hậu cần nghề cá; đẩy mạnh tốc

độ tăng trưởng của dịch vụ - thương mại; phát triển đánh bắt hải sản và nuôi trồng thủy sản nhất là vùng nuôi tôm hùm xuất khẩu;

+ Tiểu vùng 4, gồm: xã Xuân thọ 1 (01 phường và 01 xã) và xã Xuân Thọ 2, trung tâm giao dịch là khu vực Gành Đỏ; phát triển công nghiệp chế biến nước mắm, khuyến khích thương hiệu nước mắm Gành Đỏ, phát triển sản xuất giống thủy sản chất lượng cao; phát triển dịch vụ - thương mại, phát triển du lịch (điểm Nhất Tự Sơn và một số điểm ven biển); phát triển nghề đánh bắt hải sản xa bờ; khai thác sản xuất nông - lâm nghiệp tốt ở vùng đất phía Tây.

## **6. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư**

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư tập trung:

- Phát triển cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu, cụm điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

- Xây dựng, nâng cấp các điểm đô thị trung tâm và vệ tinh;

- Phát triển, nâng cấp mạng lưới giao thông trục;

- Chuyển đổi cơ cấu sản xuất trong ngư - nông - lâm nghiệp;

- Phát triển ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

- Phát triển dịch vụ du lịch, hình thành khu du lịch tổng hợp Sông Cầu;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai;

- Về vệ sinh, môi trường;

- Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí;

- Xóa nhà tạm;

- Xây dựng các công trình bảo vệ an ninh quốc phòng;

b) Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Các dự án về phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp;

- Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu;

- Cơ sở hạ tầng điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Long Bình (thị trấn Sông Cầu), Diêm Trường (xã Xuân Lộc), Triều Sơn (xã Xuân Thọ 2);

- Cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Bắc Sông Cầu: xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi tôm Long Thạnh (xã Xuân Lộc) và Phú Dương - Đồng Bé (xã Xuân Thịnh), vùng sản xuất muối và chế biến muối (các xã: Xuân Bình, Xuân Phương); xây dựng, cải tạo,

mở rộng các cảng cá: Dân Phước (thị trấn Sông Cầu), Hòa Mỹ (xã Xuân Cảnh), Gành Đỏ (xã Xuân Thọ 2);

- Các dự án xây dựng đô thị: hạ tầng giao thông đô thị loại 4 (thị trấn Sông Cầu) và loại 5 (các xã: Xuân Lộc, Xuân Thọ 2, Xuân Thịnh); hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị (thị trấn Sông Cầu, xã Xuân Lộc); xây dựng siêu thị, cải tạo, mở rộng, nâng cấp chợ trung tâm (ở thị trấn Sông Cầu); xây dựng cơ sở hạ tầng các khu dân cư: khu lấn biển (thị trấn Sông Cầu, xã Xuân Hải, khu vực An-Bình-Thạnh (xã Xuân Thọ 2);

- Các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai: hệ thống đê kè bờ sông, bờ biển chống xói lở (thị trấn Sông Cầu); cơ sở hạ tầng các khu tái định cư do triều cường sạt lở đất (thị trấn Sông Cầu, các xã: Xuân Hòa, Xuân Thịnh, Xuân Hải); làm hồ chứa nước Nhiêu Hậu;

- Các dự án đầu tư xây dựng mạng lưới giao thông huyện: nâng cấp, mở rộng các tuyến giao thông: Hòa Phú - Hòa An (xã Xuân Hòa); Trung Trinh - Vũng La - Từ Nham (các xã: Xuân Phương, Xuân Thịnh); Nhà Ngòi - Phú Dương - Đồng Bé - Từ Nham (xã Xuân Thịnh); Chánh Lộc - Diêm Trường (xã Xuân Lộc); Bình Thạnh-Đá Giăng (các xã: Xuân Bình, Xuân Lâm); Hảo Danh-Hảo Nghĩa - Mỹ Lương (xã Xuân Thọ 2); Lê Uyên - Bình Thạnh Nam (các xã: Xuân Phương, Xuân Bình); Tam Giang - Mỹ Hải - Chánh Bắc (thị trấn Sông Cầu và xã Xuân Thọ 1); đường đến trung tâm xã Xuân Lâm, cải tạo, mở rộng, nâng cấp các tuyến: ĐT642, ĐT644;

- Các dự án phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí: xây dựng Trường dạy nghề huyện Sông Cầu, Trường THPT Phan Chu Trinh, Trường THCS Hoàng Văn Thụ, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp dạy nghề, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị, Trường tiểu học Sông Cầu số 2; xây dựng sân vận động trung tâm huyện;

c) Tổng nhu cầu vốn đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Ngành - lĩnh vực	Tổng vốn	Giai đoạn	
			2006-2010	2011-2020
	<b>Tổng số</b>	<b>6.134</b>	<b>1.354</b>	<b>4.780</b>
1.	Nông lâm thủy sản	463	217	246
2.	Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	2.978	353	2.625
3.	Du lịch - dịch vụ	980	320	660
4.	Cơ sở hạ tầng đô thị và các công trình công cộng	1.568	424	1.144

5.	Hạ tầng văn hóa - xã hội	145	40	105
----	--------------------------	-----	----	-----

- Cơ cấu nguồn vốn:

*Đơn vị tính: (%)*

STT	Nguồn vốn	Tổng số	Giai đoạn	
			2006-2010	2011-2020
	<b>Tổng số</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
1	Ngân sách nhà nước	27,98	31,04	27,12
2	Đầu tư từ dân và doanh nghiệp trong nước	67,18	65,88	67,54
3	Đầu tư từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài	4,84	3,08	5,34

## 7. Các giải pháp, biện pháp thực hiện Quy hoạch

a) Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật; xây dựng và thực hiện tốt chính sách, cơ chế ưu đãi đào tạo thu hút cán bộ có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao và kỹ năng thực tế để tăng cường đội ngũ cán bộ khoa học về huyện công tác; hình thành quỹ đào tạo của huyện nhằm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ tại chỗ;

- Coi trọng công tác giáo dục - đào tạo; khuyến khích, phát hiện bồi dưỡng tài năng trẻ và nhân tài trong hàng ngũ cán bộ, nhân viên công tác quản lý nhà nước và quản lý khoa học kỹ thuật;

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nhân tố con người bằng cơ chế phân phối lợi ích, tạo động lực kích thích con người phát huy sức lực, trí tuệ cho công việc; từng bước khai thác thị trường lao động, tham gia xuất khẩu lao động trong và ngoài nước;

b) Giải pháp về nguồn vốn:

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng; ngân sách nhà nước đảm bảo đầu tư các công trình cơ sở hạ tầng trọng điểm, mang tính gắn kết giữa các vùng trên địa bàn;

- Cân đối ngân sách huyện và tranh thu nguồn vốn ngân sách cấp trên điều tiết bổ sung để đầu tư, phát triển, phần còn thiếu sẽ tiếp tục tìm nguồn tăng thêm từ vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp trong nước vào Khu công nghiệp, cụm điểm công nghiệp; đồng thời, xây dựng, kiến nghị tỉnh ban hành cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích, huy động vốn nhân dân và các thành phần kinh tế trong xã hội tham gia vào các hoạt động đầu tư, tăng cường, đảm bảo thực hiện hợp lý chủ trương đổi đất lấy cơ sở hạ tầng; ngoài ra, thực hiện tốt các cơ chế khuyến khích để một số dự án tài trợ từ vốn nước ngoài triển khai thuận lợi;

- Triển khai thực hiện tốt các cơ chế, chính sách về ưu đãi, khuyến khích các nhà đầu tư trong việc thuê đất, sử dụng đất thực hiện dự án, nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí giải tỏa đền bù, giải phóng mặt bằng; có cơ chế phối hợp cụ thể trong quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo hài hòa giữa quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế;

- Khuyến khích phát triển nông nghiệp, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sản xuất các sản phẩm có sức cạnh tranh cao, giải quyết được lao động dư thừa ở địa phương;

- Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 5 và Trung ương 9 (khóa IX), các Kế hoạch của Chính phủ, Chương trình hành động của Tỉnh ủy và các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, tạo cho các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ, sôi động, hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh;

c) Giải pháp về thị trường:

- Coi trọng và phát triển thị trường địa phương, chú trọng thị trường nông thôn và những vùng khó khăn; nâng cao khả năng tiêu thụ hàng hóa của nông dân; thực hiện tốt các biện pháp kích cầu cả trong sản xuất, xây dựng và tiêu dùng để tăng sức tiêu thụ sản phẩm;

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách của tỉnh về đào tạo đội ngũ doanh nghiệp giỏi để tìm kiếm và mở rộng thị trường; bảo đảm củng cố, ổn định thị trường trong huyện và tìm thêm thị trường mới cho các sản phẩm: cát xây dựng, đá granit, quần áo may sẵn, dưa, điều, mía cây, mây-tre-lá, sản lát, tinh bột sắn và các mặt hàng thực phẩm: nước mắm, muối, thịt, hải sản (nhất là tôm hùm và tôm sú thịt), rau quả, tạo nguồn hàng ổn định và nâng cao chất lượng hàng hóa để tham gia thị trường trong nước và xuất khẩu;

- Từng bước hình thành thị trường bất động sản và xuất khẩu lao động, thực hiện tốt chủ trương của tỉnh về đa dạng hóa trong phát triển thị trường xuất khẩu lao động, đa dạng hóa cơ cấu ngành nghề, đồng thời đẩy mạnh nâng cao chất lượng nguồn lao động; thực hiện tốt các chính sách về cho vay tín dụng ưu đãi, hỗ trợ xuất khẩu lao động, kết hợp thực hiện nghiêm việc ký quỹ và bảo lãnh trong xuất khẩu lao động nhằm tạo thuận lợi cho người dân ở vùng nông thôn có điều kiện tiếp cận và có việc làm;

d) Giải pháp cải cách hành chính:

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là trong lĩnh vực nhà đất theo hướng công khai, đơn giản, thuận tiện, giảm thiểu các thủ tục hành chính;
- Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp quản lý và tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, phù hợp với yêu cầu phát triển;
- Đẩy mạnh thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư - xây dựng; chủ động phân bổ ngân sách, phân định rõ quyền quản lý sử dụng tài sản của các cấp;
- Thực hiện cơ chế của tỉnh và Trung ương, đồng thời xây dựng các quy định phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai và tổ chức thực hiện quy hoạch;
- Triển khai lập các quy hoạch ngành và lãnh thổ theo định hướng chung của huyện về phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, đồng thời công khai hóa các quy hoạch đã được phê duyệt;

e) Giải pháp về phát triển các vấn đề xã hội, môi trường:

- Tăng cường công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình; phối hợp hài hòa giữa thực hiện các chính sách phát triển kinh tế với các chính sách xã hội nhằm đảm bảo cho quá trình đô thị hóa phát triển hợp lý;
- Bảo đảm tỷ lệ sinh, kiểm soát mức tăng dân số; chăm sóc sức khỏe và tăng cường thể lực và trí lực cho nhân dân;
- Hình thành và phát triển trường đào tạo nghề, trung tâm xúc tiến giới thiệu việc làm, theo hướng xã hội hóa; đảm bảo lao động có tay nghề, có trình độ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu lao động tại chỗ và phát triển thị trường xuất khẩu lao động;
- Có cơ chế về tài chính để đánh giá kiểm soát môi trường tại các khu vực trọng điểm như các khu vực ven biển, khu công nghiệp, các cụm điểm công nghiệp, khu kinh tế, khu du lịch, các đô thị; thực hiện việc kiểm tra thường xuyên về vệ sinh môi trường;

f) Giải pháp về khoa học công nghệ:

- Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, đặc biệt với hai cây trồng chủ lực (dừa, điều) và hai con chủ lực (heo, bò); đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện, đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn tới, ứng dụng khoa học công nghệ theo hướng phục vụ sản xuất - kinh doanh; sử dụng hợp lý và phát triển nguồn cán bộ làm công tác khoa học và công nghệ.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

- Ủy ban nhân dân huyện Sông Cầu có trách nhiệm:

+ Là cơ quan đầu mối, tổ chức công bố quy hoạch, nghiên cứu cụ thể hóa các mục tiêu và triển khai thực hiện bằng các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch; xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để quản lý và điều hành đạt hiệu quả cao, tránh dàn trải; trong quá trình thực hiện quy hoạch thường xuyên cập nhật tình hình và có những điều chỉnh kịp thời khi cần thiết.

+ Phối hợp với các cơ quan ban, ngành của tỉnh và các địa phương có liên quan, xây dựng, ban hành các cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện phát triển của huyện nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường; chủ động hội nhập thị trường trong nước và tham gia xuất khẩu; bảo vệ an ninh, quốc phòng; sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn; thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của huyện.

- Các cơ quan, ban ngành của tỉnh: theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Sông Cầu cụ thể hóa quy hoạch của ban, ngành đã được phê duyệt bằng các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn huyện Sông Cầu để tạo điều kiện cho huyện hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

**Điều 3.** Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sông Cầu; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Chi**